



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3080 /UBND-TH₃

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 4 năm 2020

V/v kế hoạch tài chính năm 2020
của các Công ty TNHH một thành
viên lâm nghiệp thuộc tỉnh

CTY LÂM NGHIỆP TAM HIỆP	
CÔNG VĂN	Số: 160.....
ĐẾN	Ngày 21. / 4. / 20.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp: Đơn Dương, Tam Hiệp, Bảo Thuận, Di Linh, Bảo Lâm, Lộc Bắc, Đa Huoai, Đa Tẻh.

Xét văn bản số 687/STC-ĐT ngày 31/3/2020 của Sở Tài chính về việc kế hoạch tài chính năm 2020 của các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp,

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chủ tịch các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020 đã được Sở Tài chính thẩm định tại văn bản số 687/STC-ĐT ngày 31/3/2020 nêu trên theo đúng quy định. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch và những vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty theo đúng quy định. / *Uuu*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như trên;
- Các Sở: KHĐT, NN&PTNT;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH₃. LN.



Nguyễn Văn Yên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 687/STC-ĐT

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 3 năm 2020

V/v kế hoạch tài chính năm 2020
của các Công ty TNHH MTV
lâm nghiệp

CTY LÂM NGHIỆP TAM HIỆP	
CÔNG VĂN	Số: 148.....
ĐẾN	Ngày: 09 / 4 / 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Thực hiện Văn bản số 54/UBND-TH₃ ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc kế hoạch tài chính năm 2020 các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh. Trên cơ sở Văn bản số 216/SNN-KH ngày 26/02/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc kế hoạch tài chính năm 2020 của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;

Sau khi rà soát, thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp tại nội dung cuộc họp ngày 17/3/2020. Sở Tài chính báo cáo và đề nghị UBND tỉnh cho ý kiến đối với Kế hoạch tài chính năm 2020 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, cụ thể như sau:

1. Cơ sở xây dựng Kế hoạch tài chính năm 2020:

Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt đơn giá đặt hàng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt đơn giá đặt hàng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên đang giao khoán bằng nguồn ngân sách tỉnh tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phân bổ kinh phí đặt hàng quản lý bảo vệ rừng năm 2019 đối với diện tích rừng tự nhiên các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trực tiếp tổ chức thực hiện quản lý bảo vệ rừng;

Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh;

Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt và phân bổ kinh phí đặt hàng quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên đang giao khoán quản lý bảo vệ rừng năm 2019 từ nguồn ngân sách tỉnh tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;

Văn bản số 5353/UBND-LN ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc kế hoạch khai thác trồng rừng thông 3 lá giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 6229/UBND-LN ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chỉ đạo một số nội dung liên quan đến đơn giá đặt hàng quản lý bảo vệ đối với diện tích rừng tự nhiên đang giao khoán bằng nguồn ngân sách tỉnh tại các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;

Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kết quả rà soát kế hoạch tài chính năm 2020:

Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch tài chính cụ thể như sau:

DVT: triệu đồng.

Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lãi trước thuế TNDN	Lãi sau thuế TNDN	Thuế và các khoản phạt sinh nộp NSNN
1. Cty TNHH MTV LN Đơn Dương	16.767	1.765	1.412	1.198
2. Cty TNHH MTV LN Tam Hiệp	11.020	310	248	542
3. Cty TNHH MTV LN Bảo Thuận	7.330	330	264	255
4. Cty TNHH MTV LN Di Linh	31.393	4.400	3.400	3.800
5. Cty TNHH MTV LN Bảo Lâm	33.404	3.600	2.700	3.225
6. Cty TNHH MTV LN Lộc Bắc	6.678	10	8	26
7. Cty TNHH MTV LN Đạ Huoai	2.568	41	32	19
8. Cty TNHH MTV LN Đạ Tẻh	7.277	65	52	67

(Chi tiết theo từng công ty đính kèm.)

3. Đề xuất UBND tỉnh:

a) Đề xuất UBND tỉnh có ý kiến đối với kế hoạch tài chính năm 2020 của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp theo kết quả rà soát tại điểm 2 nêu trên.

b) Đối với kinh phí đặt hàng tại các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên diện tích chi trả DVMTR, sau khi UBND tỉnh phê duyệt đơn giá cụ thể của năm

2020, kiến nghị UBND tỉnh yêu cầu Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng chủ động chuyển kinh phí chi trả DVMTR mà các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp được hưởng trong năm để các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp có kinh phí chi trả lương và các khoản phụ cấp cho người lao động trong năm 2020.

Sở Tài chính báo cáo và kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh, Nguyễn Văn Yên;
- Các Cty TNHH MTV lâm nghiệp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Bình

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2020
ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TAM HIỆP
 (Kèm theo văn bản số: 687/STC-ĐT ngày 31/3/2020 của Sở Tài chính Lâm Đồng)

	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		KH năm 2020	So sánh TH 2019/KH 2019 (%)	So sánh năm KH 2020/TH năm 2019 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện			
A	CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH							
I	Sản lượng							
1	Sản lượng sản xuất chủ yếu	m3						
1.1	Gỗ khai thác trắng rừng		1.760	2.400	2.400	2.500	100%	104%
	Khai thác trắng		980	2.400	2.400	2.500	100%	104%
1.2	Chế biến gỗ		939	1.248	1.248	900	100%	72%
	Gỗ xẻ các loại, ván la phong		939	1.248	1.248	900	100%	72%
2	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ (tiêu thụ trong nước)	m3	939	1.248	1.248	900	100%	72%
3	Giá thành đơn vị SP chủ yếu	Tr.đ	1,9	3,1	3,1	5,0	100%	161%
	Gỗ xẻ các loại, ván ghép, lam ri la phong	Tr.đ	1,9	3,1	3,1	5,0	100%	161%
4	Giá bán các SP chủ yếu	Tr.đ	3,3	3,5	3,5	5,7	100%	163%
	Gỗ xẻ các loại, ván ghép, lam ri la phong	Tr.đ	3,3	3,5	3,5	5,7	100%	163%
II	Kết quả kinh doanh							
1	Doanh thu	Tr.đ	5.288	9.773	11.464	11.020	117%	96%
a	Doanh thu thuần	Tr.đ	3.054	8.573	10.437	10.624	122%	102%
	Doanh thu kinh doanh	Tr.đ	3.054	4.368	5.064	5.148	116%	102%
	Doanh thu công ích	Tr.đ	-	4.205	5.373	5.476	128%	102%
	Trong đó:							
	Đặt hàng trên diện tích trực tiếp quản lý	Tr.đ				159		
	Đặt hàng trên diện tích GKQLBVR từ nguồn NS	Tr.đ				4.901		
	10% KPQL rừng trồng DVMTR rừng	Tr.đ				45		
	Đặt hàng trên diện tích DV môi trường rừng	Tr.đ				330		
	Diện tích GKQLBVR DVMTR là rừng trồng Công ty tự QL (82,67 ha*0,500/ha)	Tr.đ				41		
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	186	100	77	100	77%	130%
c	Doanh thu khác (rừng trồng thay thế năm 3)	Tr.đ	2.048	1.100	950	296	86%	31%
2	Lãi phát sinh							
a	Trước thuế TNDN	Tr.đ	673	250	294	310	118%	105%
b	Sau thuế TNDN	Tr.đ	538	200	235	248	118%	106%
III	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		484	470	489	542	104%	111%
1	Các loại thuế	Tr.đ	484	470	489	542	104%	111%
a	Thuế GTGT	Tr.đ	267	350	350	400	100%	114%
b	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Tr.đ						
c	Thuế TNDN	Tr.đ	135	40	58,8	62	147%	105%

	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		KH năm 2020	So sánh TH 2019/KH 2019 (%)	So sánh năm KH 2020/TH năm 2019 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện			
d	Các loại thuế, phí phải nộp khác		82	80	80	80	100%	100%
2	Các khoản phải nộp khác	Tr.đ	-	-	-	-		
3	Thu từ lợi nhuận sau thuế							
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Tr.đ						
1	Tổng tài sản	Tr.đ	20.197	31.165	39.000	39.000	125%	100%
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	13.239	31.165	35.724	35.724	115%	100%
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tr.đ	1.772	1.772			0%	
4	Quỹ Đầu tư phát triển	Tr.đ	281	281			0%	
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tr.đ	34	34			0%	
6	Nguồn vốn khác của chủ sở hữu	Tr.đ	11.152	29.078	32.643	32.643	112%	100%
7	Vốn điều lệ được phê duyệt	Tr.đ	12.000	33.000	33.000	33.000	100%	100%
8	Nguồn bổ sung vốn điều lệ	Tr.đ						
9	Nguồn bổ sung khác	Tr.đ						
C	HUY ĐỘNG VỐN	Tr.đ						
D	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Tr.đ						
1	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đ	694	250	294	310	118%	105%
2	Trích quỹ PTKH & công nghệ	Tr.đ	21	8	9	9	113%	100%
3	Bù lỗ các năm trước (nếu có)	Tr.đ						
4	Thuế TNDN phải nộp	Tr.đ	135	40	58,8	62	147%	105%
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ	Tr.đ	538	200	235,2	248	118%	105%
6	Trích 30% quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ						
7	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đ	434	140	153	178	116%	108%
8	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	88	52	70	70	135%	100%
9	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	Tr.đ						